TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **64**/2019/HS-ST
Ngày 12 tháng 7 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Quốc Thể.

Bà Hoàng Thị Oanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Trần Thị Minh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2019/TLST-HS ngày 17/5/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HS ngày 14/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/HSST-QĐ ngày 26/6/2019, số 23/2019/HSST-QĐ ngày 02/7/2019 đối với bị cáo:

Đoàn Ngọc T, sinh ngày 04/6/1989, tại S, Tuyên Quang.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn P1, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Xuân L, sinh năm 1955 và bà Phạm Thị L sinh năm 1957; Vợ Lương Thị A, sinh năm: 1995; Con: chưa có; Tiền sự: không; Nhân thân: không.

Tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án số 07/2017/HSST ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Ngày 28/3/2017 Đoàn Ngọc T chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 12/4/2017 Đoàn Ngọc T đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm và số tiền bị truy thu 900.000 đồng);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/02/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

***Bị hại*:**

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. Trú tại: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Văn H1, sinh năm 1970. Trú tại: Thôn T, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Chị Trần Thị T, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn P1, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

4. Anh Lê Duy H2, sinh năm 1975. Trú tại: Thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lương Thị A, sinh năm 1995. Trú tại: Thôn P1, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Chị Đoàn Thị N, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn T1, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1975. Trú tại: Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

4. Anh Cao Anh T1, sinh năm 1970. Trú tại: Tổ dân phố Q1, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

5. Anh Đặng Hữu T2, sinh năm 1973. Trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/12/2018 đến ngày 21/02/2019 Đoàn Ngọc T, sinh năm 1989, trú tại thôn P1, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp trên địa bàn xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 15 giờ ngày 22/12/2018, Đoàn Ngọc T đi bộ từ nhà theo hướng đi thôn T, xã P, huyện S với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, trú tại thôn T, xã P, huyện S, T phát hiện nhà chị H không có ai ở nhà, cửa bên cạnh cửa chính không khóa, chỉ khép hờ nên T mở cửa đi vào bên trong, thấy có chiếc tủ đứng có hai cánh không khóa, T lục đồ đạc để bên trong tủ. Khi T lục tìm trong túi áo khoác màu đỏ treo trong tủ thấy số tiền 6.500.000 đồng, T đã lấy hết số tiền trên và sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

- ***Lần 2:*** Khoảng 09 giờ ngày 04/01/2019, Đoàn Ngọc T đi bộ từ nhà theo hướng đồi mía thuộc thôn T, xã P, huyện S với mục đích trộm cắp tài sản, trên đường đi T nhặt được 01 con dao dài khoảng 40 – 50cm ở khu vực đồi mía, T cầm dao đi đến nhà anh Vũ Văn H1, sinh năm 1970, trú tại thôn T, xã P, thấy không có người ở nhà nên T đi vòng ra phía sau nhà anh H1, dùng dao chặt gẫy song cửa sổ chui vào gian buồng nhà anh H1 rồi lục đồ trong tủ tại buồng ngủ và lấy 02 nhẫn vàng tròn trơn (01 chiếc loại 01 chỉ, 01 chiếc 02 chỉ loại vàng 9999) để trong ngăn kéo tủ. T lấy 02 chiếc nhẫn đó cho vào túi quần rồi đi về nhà. Đến sáng ngày 05/01/2019 T đem bán chiếc nhẫn 02 chỉ cho anh Cao Anh T1, sinh năm 1970, chủ cửa hàng Vàng Bạc T địa chỉ tại tổ dân phố Q1, thị trấn S, huyện S, T nói chiếc nhẫn đó là tài sản của T nên anh T1 đồng ý mua với giá 7.000.000 đồng. Còn chiếc nhẫn 01 chỉ T bán cho anh Đoàn Hữu T2, sinh năm 1973, chủ cửa hàng Vàng bạc Đ tại Tổ dân phố X, thị trấn S, T nói chiếc nhẫn đó là tài sản của T nên anh T1 đồng ý mua với giá 3.500.000 đồng. Số tiền trên T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 19/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S. Kết luận: 02 nhẫn vàng tròn trơn, loại vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 10.770.000 đồng (Mười triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

- ***Lần 3:*** Khoảng 08 giờ ngày 18/02/2019, T đi bộ một mình từ nhà đến nhà chị Trần Thị T, sinh năm 1984 (trú cùng thôn), T quan sát thấy không có ai ở nhà, cửa cổng đã khóa nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà chị Tâm để trộm cắp tài sản, T trèo tường rào xây rồi đi qua mái lợp prô xi măng đi vào hiên tầng hai phía sau nhà, rồi đi theo cầu thang xuống tầng một phát hiện trên bàn bằng gỗ có để 01 chiếc máy tính, loại máy tính xách tay nhãn hiệu HP EliteBook, vỏ màu đen rồi cầm chiếc máy tính đi ra ngoài theo đường cũ. T đem chiếc máy tính đến cửa hàng bánh mỳ của anh Nguyễn Hữu N, sinh năm 1975, trú tại tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn S, T nói với anh N đây là chiếc máy tính của mình nên N tin và mua với giá 900.000 đồng. T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên. Sau đó, T đến chuộc lại chiếc máy tính trên đưa cho chị Lương Thị A (vợ T) và nói cho chị A biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Sau đó chị A đã giao nộp chiếc máy tính cho cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 22/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S. Kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP EliteBook 745, màu đen. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.784.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng).

- ***Lần 4:*** Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 21/02/2019, Đoàn Ngọc T đi xe đạp một mình đến nhà anh Lê Duy H2, sinh năm 1976, trú tại thôn T1, xã P, huyện S. Khi đến nhà anh H2, T thấy nhà anh H2 không có người ở nhà nên nảy sinh ý

định vào nhà anh H2 để trộm cắp tài sản. T nhặt 01 con dao (dài 43cm, bản dao rộng 08cm) ở cửa bếp nhà anh H2 rồi đi đến cửa sổ phòng ngủ, sau đó dùng dao chặt song cửa bằng gỗ rồi chui vào phòng lục lọi đồ đạc. T mở cửa tủ gỗ và lấy được 01 con lợn nhựa màu hồng, T dùng dao rạch con lợn nhựa ra và đếm được số tiền 3.200.000 đồng, T sử dụng 1.700.000 đồng chi tiêu cá nhân còn lại 1.500.000 đồng T đưa cho vợ là chị Lương Thị A, sinh năm 1995 nhưng không nói cho A biết số tiền trên là do trộm cắp mà có. Đến ngày 25/02/2019 chị A biết số tiền trên do T trộm cắp của nhà anh H2 nên chị A đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S để xác minh làm rõ.

Tại kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 20/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S. Kết luận: 01 con lợn nhựa màu hồng, chiều dài thân 20cm, đường kính thân 10cm có trị giá trị là 27.000 đồng (Hai mươi bẩy nghìn đồng).

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 60/CT-VKSND ngày 16 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố bị cáo Đoàn Ngọc T về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và khẳng định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu T tội Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt Đoàn Ngọc T từ 24 (Hai mươi bốn) đến 30 (ba mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Bị hại chị Trần Thị T đã nhận lại tài sản là 01 chiếc máy tính xách tay HP nên không yêu cầu bồi thường về dân sự; Anh Lê Duy H2 không có yêu cầu gì về phần dân sự; Anh Vũ Văn H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tài sản (vàng) đã trộm cắp, theo kết luận định giá là 10.770.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H yêu cầu lấy lại số tiền là 6.500.000 đồng.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nhất trí bồi thường thiệt hại tài sản theo yêu cầu của bên bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Ngoài lời khai nhận tội của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng: Lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Kết luận định giá tài sản, biên bản xác minh hiện trường, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/12/2018 đến ngày 21/02/2019 bị cáo Đoàn Ngọc T đã 04 lần thực hiện hành vị trộm cắp. Cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 15 giờ ngày 22/12/2018 tại nhà chị Nguyễn Thị H, trú tại thôn T, xã P, huyện S, Đoàn Ngọc T đã có hành vi trộm cắp 6.500.000đ *(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* của chị Nguyễn Thị H.

- Lần 2: Khoảng 09 giờ ngày 04/01/2019 tại nhà anh Vũ Văn H1, trú tại thôn T, xã P, huyện S, Đoàn Ngọc T có hành vi trộm cắp 02 nhẫn vàng tròn trơn (01 chiếc loại 01 chỉ, 01 chiếc 02 chỉ loại vàng 9999) trị giá 10.770.000đ *(Mười triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)* của anh Vũ Văn H1.

- Lần 3: Khoảng 08 giờ ngày 18/02/2019 tại nhà chị Trần Thị T, trú tại thôn P1, xã P, huyện S, Đoàn Ngọc T có hành vi trộm cắp 01 chiếc máy tính, loại máy tính xách tay nhãn hiệu HP EliteBook, trị giá là 4.784.000đ *(Bốn triệu bảy trăm tám mươi tư nghìn đồng)* của chị Trần Thị T.

- Lần 4: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 21/02/2019 tại nhà anh Lê Duy H2, trú tại thôn T1, xã P, huyện S, Đoàn Ngọc T có hành vi trộm cắp 3.200.000đ *(Ba triệu hai trăm nghìn đồng)* đựng trong 01 con lợn nhựa trị giá 27.000đ *(Hai mươi bảy nghìn đồng)* của anh Lê Duy H2.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Đoàn Ngọc T trộm cắp 04 lần là 25.254.000đ *(Hai mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi tư nghìn đồng)*; tài sản bị hư hỏng là 01 con lợn nhựa trị giá 27.000đ *(Hai mươi bảy nghìn đồng)*.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, với mục đích vụ lợi, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như Cáo trạng là có căn cứ pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết tăng nặng: Tại Bản án số 07/2017/HSST ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện S xử phạt Đoàn Ngọc T 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 28/3/2017 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa được xóa án tích, do vậy lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp, giá trị tài sản mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã T khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả do hành vi của mình gây ra. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an tại địa phương; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài, số tiền chiếm đoạt khá lớn; bị cáo có tiền án về tội trộm cắp tài sản, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại Trại giam trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở T người có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại anh Vũ Văn H1 giá trị 03 chỉ vàng đã trộm cắp, T tiền là 10.770 .000đ *(Mười triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng);* bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 6.500.000đ *(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Bị hại chị Trần Thị T đã nhận lại tài sản là 01 chiếc máy tính xách tay HP nên không yêu cầu bồi thường dân sự. Anh Lê Duy H2 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 1.700.000đ *(Một triệu bảy trăm nghìn đồng)*, không yêu cầu bồi thường giá trị con lợn nhựa và xong cửa sổ bị hỏng; anh Vũ Văn H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường xong cửa sổ bị hỏng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S thu giữ:

- 01 con dao dài 43cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, bản rộng nhất 08cm, chuôi dao bằng gỗ, màu vàng nâu dài 13cm. Đây là vật chứng bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp, là tài sản của gia đình anh Lê Duy H2; số tiền 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* do bị cáo trộm cắp của anh Lê Duy H2, là tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển vào tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S. Do vậy cần tuyên trả lại cho anh H2.

- 01 máy tích xách tay nhãn hiệu HP EliteBook 745, đã qua sử dụng. Ngày 04/4/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S đã ra quyết định xử lý vật chứng số 47 trả lại 01 chiếc máy tính nhãn hiệu HP EliteBook 745 cho chủ sở hữu là chị Trần Thị T. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đoàn Ngọc T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc T **02** (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (26/02/2019).

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Vũ Văn H1 số tiền 10.770.000đ *(Mười triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng);* bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 6.500.000đ *(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Khoản tiền bồi thường kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bị hại có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo chậm thanh toán thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho anh Lê Duy H2 số tiền 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đã chuyển vào tài khoản số 3949.0.1064844.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S; 01 con dao dài 43cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, bản rộng nhất 08cm, chuôi dao bằng gỗ, màu vàng nâu dài 13cm.

Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/7/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S).

5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Bị cáo Đoàn Ngọc T phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 863.500đ *(Tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng 1.063.500đ *(Một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng)*.

Bị cáo, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2019); các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;;
- UBND xã P;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bàn Văn Thế